

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **68/2026/DS-PT**

Ngày 30/01/2026

V/v: *Yêu cầu phân chia di sản
thừa kế.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Nguyên Tùng.

Các Thẩm phán: Ông Lê Ngọc Minh và ông Nguyễn Duy Thuần.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hùng - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Công - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 455/2025/TLPT-DS ngày 13/11/2025 về việc “Yêu cầu phân chia di sản thừa kế”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2026/QĐXX-PT ngày 06/01/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Ông Phạm Đức T, sinh năm 1946; Địa chỉ: Buôn E, xã D, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị X, sinh năm 1948; Vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị Thanh B, sinh năm 1958; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã D, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền cho các nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1973 (theo văn bản uỷ quyền ngày 21/11/2023); Địa chỉ: B L, phường B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Đức T2, sinh năm 1945; Địa chỉ: Thôn K, xã D, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thanh N, sinh năm 1973 (Theo văn bản uỷ quyền ngày 13/3/2024); Địa chỉ: số B đường L, phường P, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- + Bà Vũ Thị Mỹ D, sinh năm 1970. Vắng mặt.
- + Bà Phạm Thúy V, sinh năm 1995. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
- + Ông Phạm Quốc A, sinh năm 1992; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã D, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền cho bà D, ông A: Bà Nguyễn Thanh N, sinh năm 1973 (theo các văn bản uỷ quyền ngày 19/5/2025); Địa chỉ: số nhà B đường L, phường P, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

+ Ông Phạm Văn T3, sinh năm 1960; Địa chỉ : Buôn E, xã D, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Mai Lân T4, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn T, xã D, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo uỷ quyền của các nguyên đơn trình bày: Bà Phạm Thị T5, sinh năm 1944; Nơi cư trú tại: Thôn T, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã D, tỉnh Đắk Lắk), là người chưa đăng ký kết hôn, không có chồng và không có con (theo đơn xin xác nhận độc thân được Ủy ban nhân dân xã H xác nhận ngày 10 tháng 6 năm 2023). Đã chết ngày 24/10/2020 theo trích lục khai tử số: 250/TLKT-BS do UBND xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 16/5/2023.

Cha mẹ đẻ bà T5 là (ông Phạm Ngọc T6, sinh năm 1915 chết năm 2014 và bà Lưu Thị M, sinh năm 1917 chết năm 1997), ông T6, bà M có 08 người con, gồm: bà Phạm Thị T5, sinh năm 1944; ông Phạm Đức T2, sinh năm 1945; ông Phạm Đức T, sinh năm 1946; bà Phạm Thị X, sinh năm 1948; bà Phạm Thị Thanh B, sinh năm 1958; ông Phạm Quang Đ, sinh năm 1942 đã chết năm 1974; ông Phạm Văn T3, sinh năm 1960; ông Phạm Văn T7, sinh năm 1962 đã chết ngày 18/10/2015.

Khi bà T5 chết không để lại di chúc, theo quy định thì hàng thừa kế thứ nhất là (cha đẻ, mẹ đẻ) đã chết hết, theo quy định của pháp luật thì hàng thừa kế thứ hai là các anh, chị em ruột của bà T5 còn sống được hưởng thừa kế di sản của bà T5.

Di sản của bà T5 để lại là thửa đất số 2242, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.647m² tại xã E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở (viết tắt là Giấy CNQSDĐ) số BĐ 529824 do UBND huyện C cấp ngày 23/03/2012 mang tên bà Phạm Thị T5.

Những anh, chị em ruột của bà T5 còn sống được hưởng thừa kế, gồm: ông Phạm Đức T, bà Phạm Thị X, ông Phạm Đức T2, bà Phạm Thị Thanh B và ông Phạm Văn T3. Không có việc bà T5 tặng cho bà D thửa đất số 2242.

Sau khi bà T5 chết anh em trong gia đình đã nhiều lần tổ chức họp gia đình để thoả thuận phân chia di sản thừa kế của bà T5 để lại theo quy định của pháp luật nhưng ông T2 không hợp tác vì vậy các anh em không thoả thuận phân chia được.

Về chi phí làm mai táng cho bà Phạm Thị T5 (chết ngày 24/10/2020), đám tang làm tại nhà ông Phạm Ngọc T6 (cha của bà T5 đã chết), toàn bộ chi phí mai táng do

anh em trong gia đình cùng đóng góp, ngoài ra còn có tiền phúng viếng, (riêng quan tài do ông Phạm Đức T đóng góp). Sau khi mai táng xong, tiền phúng viếng còn dư khoảng 50.000.000 đồng thì anh em trong gia đình thống nhất giao cho bà Vũ Thị D (vợ ông Phạm Văn T7 đã chết) giữ, nên bà D không phải bỏ tiền ra làm mai táng cho bà T5, do vậy nếu bà D yêu cầu về khoản tiền chi phí mai táng cho bà T5, thì ông T, bà X, bà B không đồng ý.

Về chi phí cho việc bảo quản di sản của bà T5, thì nguồn gốc thửa đất thửa đất số 2242 của bà T5, là được ông Phạm Văn T8 (cha bà T5), trước khi tặng cho thì T đã xây tường rào bao quanh toàn bộ cùng với diện tích các thửa đất của anh chị em ruột của bà T5 được ông T8 tặng cho, trên toàn bộ diện tích do ông T8 đã trồng cà phê, sau khi bà T5 mất năm 2020 thì ông Phạm Đức T là người quản lý, sử dụng, còn chăm sóc thu hoạch cây trồng trên đất thì cho con bà X (là Mai Lãnh T4) thu hoạch cà phê, cho bà D thu hoạch tiêu và cho các cháu; năm nào cháu nào chăm sóc vườn cây thì được thu hoạch năm đó, nên bà D không phải bỏ chi phí gì về việc bảo quản thửa đất này. Do vậy, ông T, bà X, bà B không đồng ý yêu cầu về khoản tiền bảo quản di sản của của bà D.

Để đảm bảo quyền thừa kế di sản của các nguyên đơn, theo pháp luật đề nghị Toà xem xét, giải quyết việc phân chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 2242, diện tích 1647,0 m² (diện tích đo đạc thực tế là 1.650,5m²) tại xã E (nay thuộc xã D) đã được cấp Giấy CNQSDĐ của bà T5 và toàn bộ tài sản trên đất chia đều theo pháp luật mỗi người được hưởng một phần ngang bằng nhau, trong đó phần di sản thừa kế của bà X, bà B, ông T3 được hưởng đã tự nguyện tặng cho ông T, đề nghị Toà án công nhận.

Do đó phần di sản của ông T được hưởng cộng với các phần di sản mà bà X, bà B, ông T3 tặng cho (tổng cộng được 04/5 di sản) tương đương 4/5 diện tích đất. Do toàn bộ diện tích của thửa đất là đất nông nghiệp, theo Luật đất đai thì không đủ diện tích tách thửa, nên đề nghị giao cho ông T được quyền sở hữu, sử dụng thửa đất này và ông có trách nhiệm trả cho ông T2 trị giá kỷ phần mà ông T2 được hưởng, theo giá trị tài sản mà Toà án đã định giá. Về Giấy CNQSDĐ của thửa đất số 2242 hiện nay bà D đang giữ đề nghị buộc bà D giao trả cho ông T, để ông T làm thủ tục đăng ký biến động của thửa đất và xác lập quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:* Bà Phạm Thị T5, sinh năm 1944 (chết năm 2020), khi còn sống bà T5 tạo lập được một khối tài sản là phần đất mà hiện nay nguyên đơn đang khởi kiện là thửa đất số 2242, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.647m² (đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại xã E (nay là xã E), tỉnh Đắk Lắk, đã được UBND huyện C cấp Giấy CNQSDĐ đất số BĐ 529824 ngày 23/3/2012 đứng tên bà Phạm Thị T5.

Bà T5 là người không có chồng và con, nên sống chung với cha mẹ là ông Phạm Ngọc T6, bà Lưu Thị M cùng với gia đình vợ chồng ông Phạm Văn T7 và bà Vũ Thị Mỹ D, khi ông T6 và bà M chết thì bà T5 ở chung với gia đình ông T7, đồng thời bà T5 cùng với vợ chồng ông T7 quản lý sử dụng canh tác trồng tiêu và cà phê đối với

phần đất trên từ năm 1990 cho đến khi bà T5 mất thì bà D là người trực tiếp, canh tác và thu hoa lợi trên đất.

Trước khi mất bà T5 đã đồng ý cho mẹ con bà D phần đất thừa số 2242, tờ bản đồ số 9 nêu trên, tuy chưa sang nhượng tên trên Giấy CNQSDĐ nhưng bà T5 đã giao Giấy CNQSDĐ cho bà D giữ, đồng thời bà D là người trực tiếp quản lý, sử dụng canh tác và thu hoa lợi trên phần đất này một thời gian dài mà các anh chị em không ai phản đối hay có ý kiến gì. Việc bà T5 đồng ý cho mẹ con bà D phần đất này là hợp lý bởi vì bà T5 chung sống cùng với gia đình bà D, từ lúc bà T5 ốm đau đến trước khi chết đều do mẹ con bà D chăm sóc, bà T5 mất năm 2020 thì tất cả các việc giỗ chạp, cũng như ma chay cho bà T5 đều do mẹ con bà D lo liệu. Do mẹ con bà D là người trực tiếp quản lý và sử dụng phần đất trên từ năm 1990 cho đến nay, quá trình quản lý và sử dụng đất bà D đã có nhiều công sức trong việc bảo quản, gìn giữ, tôn tạo làm tăng giá trị đất nêu trên.

Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết: Công nhận cho mẹ con bà D được hưởng khoản tiền chi phí cho việc bảo quản di sản bằng 1/6 trị giá của toàn bộ di sản chưa phân chia, theo kết quả mà Tòa án đã định giá. Phần trị giá di sản còn lại chia thừa kế theo quy định pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T3 trình bày:*

Ông Phạm Văn T3 là em ruột của bà Phạm Thị T5, ông T3 thống nhất với nội dung trình bày của nguyên đơn. Quá trình sinh sống tại địa phương bà T5 không kết hôn với ai cũng không có con cái, đến năm 2020 bà T5 chết không để lại di chúc. Theo quy định pháp luật thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà T5 đều đã chết hết, nên ông T3 cùng các anh em ruột được hưởng di sản thừa kế của bà T5 theo hàng thừa kế thứ hai. Đối với phần di sản thừa kế mà ông T3 được hưởng thì Ông tặng toàn bộ lại cho ông Phạm Đức T và không còn liên quan gì đến phần di sản bà T5 để lại. Ông T3 xin vắng mặt và từ chối tham gia các buổi làm việc trong quá trình giải quyết vụ án.

** Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Mỹ D có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thanh N trình bày:*

Bà Phạm Thị T5, sinh năm 1944 (chết năm 2020), khi còn sống bà T5 tạo lập được một khối tài sản là phần đất mà hiện nay nguyên đơn đang khởi kiện là thửa đất số 2242, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.647m² (đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại xã E (nay là xã E), tỉnh Đắk Lắk, đã được UBND huyện C cấp Giấy CNQSDĐ đất số BD 529824 ngày 23/3/2012 đứng tên bà Phạm Thị T5.

Bà T5 là người không có chồng và con, nên sống chung với cha mẹ (là ông Phạm Ngọc T6, bà Lưu Thị M) và cùng với gia đình vợ chồng ông Phạm Văn T7 và bà Vũ Thị Mỹ D, khi ông T6 và bà M chết thì bà T5 ở chung với gia đình ông T7, đồng thời bà T5 cùng với vợ chồng ông T7 quản lý sử dụng canh tác trồng tiêu và cà phê đối với phần đất trên từ năm 1990 cho đến khi bà T5 mất thì bà D là người trực tiếp, canh tác và thu hoa lợi trên đất.

Trước khi mất bà T5 đã đồng ý cho mẹ con bà D phần đất thừa số 2242, tờ bản đồ số 9 nêu trên, tuy chưa sang nhượng tên trên Giấy CNQSDĐ nhưng bà T5 đã giao

Giấy CNQSDĐ cho bà D giữ, đồng thời bà D là người trực tiếp quản lý, sử dụng canh tác và thu hoa lợi trên phần đất này một thời gian dài mà các anh chị em không ai phản đối hay có ý kiến gì. Việc bà T5 đồng ý cho mẹ con bà D phần đất này là hợp lý bởi vì bà T5 chung sống cùng với gia đình bà D, từ lúc bà T5 ốm đau đến trước khi chết đều do mẹ con bà D chăm sóc, bà T5 mất năm 2020 thì tất cả các việc giỗ chạp, cũng như ma chay cho bà T5 đều do mẹ con bà D lo liệu.

Về chi phí cho việc bảo quản di sản của bà T5, do thửa đất số 2242, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.647 m² của bà T5, khi ông Phạm Ngọc T6 trước khi chết làm thủ tục tặng cho đất cho những người con vào năm 2007, thì do phần đất ông T6 được tặng cho nhiều hơn, nên ông T6 có yêu cầu ông T phải xây tường rào bao quanh toàn bộ diện tích đất của ông T6. Còn trên toàn bộ diện tích mà ông T6 cho các con đã trồng cà phê từ năm 1990, bà T5 khi đó đang ở cùng cha mẹ, sau khi cha mẹ chết thì bà T5 do không có chồng, con nên ở chung với vợ chồng bà Vũ Thị Mỹ D, ông Phạm Văn T7, nên diện tích của bà T5 được cho thì bà T5 do sức khỏe yếu nên đã giao cho vợ chồng bà D, ông T7 và các con bà D là ông Phạm Quốc A và bà Phạm Thúy V cùng giúp cho cha mẹ canh tác sử dụng cho đến nay.

Trước đây bà D có yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà là: Được chia 50% giá trị của thửa đất số 2242; được thanh toán khoản tiền chi phí làm mai táng cho bà Phạm Thị T5; được thanh toán khoản chi phí cho việc bảo quản di sản của bà T5. Nhưng nay bà D xin rút yêu cầu về được thanh toán khoản tiền chi phí làm mai táng cho bà T5. Còn về yêu cầu được thanh toán khoản chi phí cho việc bảo quản di sản của bà T5 và yêu cầu được chia 50% giá trị của thửa đất số 2242, thì bà D xin sửa đổi lại là đề nghị Tòa án giải quyết: Bà được thanh toán khoản tiền chi phí cho việc bảo quản di sản bằng 1/6 trị giá của toàn bộ di sản chưa phân chia, theo kết quả mà Tòa án đã định giá.

** Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Quốc A: Bà Nguyễn Thanh N trình bày:*

Ông A là con đẻ của bà Vũ Thị Mỹ D, ông A thống nhất với nội dung trình bày của bà D và không có ý kiến bổ sung gì thêm.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/7/2025 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thúy V trình bày:*

Bà V là con đẻ của bà Vũ Thị Mỹ D, bà T5 là người không có chồng và con, nên sống chung với cha mẹ (là ông Phạm Ngọc T6, bà Lưu Thị M) và cùng với gia đình cha mẹ của B1 (là ông Phạm Văn T7 và bà Vũ Thị Mỹ D), sau khi ông T7 chết, bà T5 vẫn tiếp tục chung sống cùng gia đình Bà. Khi được ông T6 phân chia và tặng cho thửa đất số 2242, thì bà T5 do tuổi cao sức yếu nên đã giao lại cho cha, mẹ Bà canh tác, nên hoa lợi, lợi tức thu hoạch được từ vườn cây được sử dụng vào mục đích trang trải cuộc sống chung cho mọi người trong gia đình.

Vào năm 2014 ông Mai Lãnh T4 (là con của bà Phạm Thị X) không có đất canh tác nên đã mượn đất với thời hạn 10 năm, để trồng cà phê và thu hoạch từ năm 2014 – 2024, còn gia đình Bà thì trồng xen canh cây T9 và thu hoạch T9.

Đến năm 2020 thì bà T5 chết, trước khi chết thì bà T5 có giao lại cho mẹ Bà Giấy CNQSDĐ và quản lý, sử dụng thửa đất 2242, tuy nhiên chưa làm các thủ tục tặng cho, sang tên.

Năm 2024 khi hết thời gian cho mượn thì ông T4 giao lại cho bà D quản lý sử dụng và không có bất cứ yêu cầu gì về cây trồng mà ông T4 đã trồng trên đất. Hiện nay thửa đất số 2242 nêu trên đang do bà D quản lý, canh tác.

Về chi phí cho việc bảo quản di sản của bà T5 đối với thửa đất thửa đất số 2242 chủ yếu do bà D bỏ công chăm sóc, tôi và ông Phạm Quốc A là con cái trong nhà chỉ thỉnh thoảng khi rảnh thì phụ giúp bà D một số công việc nhỏ khi chăm sóc vườn cây. Nay tôi không yêu cầu Tòa án xem xét công sức, chi phí đóng góp cho việc bảo quản di sản đối với thửa đất 2242 mà bà T5 để lại, đề nghị Tòa án xem xét chia cho bà D 50% trị giá của thửa đất này.

** Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Lãnh T4:*

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập hợp lệ, để đến Tòa án tham gia tố tụng, nhưng đều vắng mặt, bà Nguyễn Thanh N là người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Mỹ D, có nộp 01 Đơn xin xác nhận việc mượn và trả đất thay cho ông M1 Lãnh Tụ, có nội dung ông T4 trình bày: Thửa đất số 2242, là vào năm 2007 do ông Phạm Ngọc T6 chia cho bà T5 cùng với các con ông T6, lúc đó bà T5 đã già yếu và ở chung với vợ chồng bà D, ông T7 nên đã giao thửa đất cho vợ chồng bà D cùng Giấy CNQSDĐ để vợ chồng bà D quản lý sử dụng.

Năm 2014 ông Mai Lãnh T4 không có đất canh tác nên đã mượn thửa đất với thời hạn 10 năm (từ năm 2014 – 2024), để trồng cà phê và thu hoạch, còn cây Tiêu do gia đình bà D trồng và thu hoạch. Đến năm 2024 ông T4 đã trả lại đất cho bà D, vì đã được hưởng hoa lợi trên đất trong 10 năm, nên ông T4 trả lại toàn bộ vườn cây và không có ý kiến gì.

Bản án số 14/2025/DS-ST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; các Điều 92, 144, 147, 157, 158, 165, 166, 220, 227, 228, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 611, 616, 650, 651; khoản 1, 3 Điều 658 và Điều 660 Bộ luật Dân sự; Điểm c khoản 2 Điều 220 Luật đất đai năm 2024; Điều 6; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a, b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Đức T, bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị Thanh B về việc yêu cầu chia di sản thừa kế.

2. Xác định thửa đất số 2242, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.647m² (diện tích đo đạc thực tế là 1.650,5m²) tại xã E (nay thuộc xã E) theo Giấy CNQSDĐ số BĐ 529824 do UBND huyện C cấp ngày 23/03/2012 mang tên bà Phạm Thị T5. Tài sản gắn liền với đất, gồm: 01 tường rào xây gạch Tuynel, cao 02m, dài 36,5m; 268 cây Cà phê; 148 cây Tiêu (trong đó 13 cây leo trụ cây Muồng, 135 cây leo trụ cây G), 40 cây M2; 60 cây Gòn, 03 cây Mít; 05 cây Bơ; 08 cây Sầu riêng; 13 cây Muồng có cây T9 leo; 135 cây Gòn có cây Tiêu leo, có trị giá 6.333.139.380 đồng là di sản thừa kế của bà Phạm Thị T5 chưa chia, được phân chia thừa kế theo pháp luật.

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Phạm Thị T5 không còn ai, nên hàng thừa kế thứ hai của bà T5 được hưởng di sản gồm có 05 người là: Ông Phạm Đức T2, ông Phạm Đức T, bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị Thanh B, ông Phạm Văn T3.

4. Trích trừ đi tiền chi phí, công sức cho việc bảo quản di sản của bà Vũ Thị Mỹ D là 63.331.000 đồng.

5. Xác định di sản của bà T5 còn lại để chia là 6.269.808.000 đồng, chia cho 05 kỷ phần, mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng là 1.253.961.000 đồng, tương đương với 408,4m² và tài sản trên đất.

6. Ghi nhận sự tự nguyện tặng cho toàn bộ kỷ phần được hưởng từ di sản thừa kế của bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị Thanh B, ông Phạm Văn T3 cho ông T sở hữu, sử dụng, như vậy ông T được hưởng thừa kế thêm kỷ phần của bà X, bà B, ông T3, tổng cộng di sản ông T được hưởng 4/5 kỷ phần, trị giá là 5.015.844.000 đồng (Năm tỷ, không trăm mười lăm triệu, tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

7. Cụ thể chia như sau:

7.1. Phần ông Phạm Đức T được quyền sở hữu, sử dụng thửa đất số 2242, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.647m² (diện tích đo đạc thực tế là 1.650,5m²) tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay thuộc xã E, tỉnh Đắk Lắk) theo Giấy CNQSDĐ số BĐ 529824 do UBND huyện C cấp ngày 23/03/2012 cho bà Phạm Thị T5.

Thửa đất có vị trí, ranh giới như sau:

Đông giáp thửa đất 2243 dài 89,95m;

Tây giáp thửa đất 2241 dài 90,18m;

Nam giáp chỉ giới quy hoạch giao thông Quốc lộ B dài 20,45m;

Bắc giáp thửa đất 2220 dài 16,10m;

Tài sản gắn liền với đất, gồm: 01 tường rào xây gạch Tuynel, cao 02m, dài 36,5m; 268 cây Cà phê; 148 cây Tiêu (trong đó 13 cây leo trụ cây Muồng, 135 cây leo trụ cây G), 40 cây M2; 60 cây Gòn, 03 cây Mít; 05 cây Bơ; 08 cây Sầu riêng; 13 cây Muồng có cây T9 leo; 135 cây Gòn có cây Tiêu leo.

(Có sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo bản án).

7.2. Phần ông Phạm Đức T2 được nhận số tiền 1.253.961.000 đồng (Một tỷ, hai trăm năm mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi một nghìn đồng) tương đương với 408,4m² và tài sản trên đất là kỷ phần thừa kế ông T2 được hưởng, do ông Phạm Đức T có trách nhiệm thanh toán.

8. Chấp nhận một phần yêu cầu độc của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Mỹ D.

Ông Phạm Đức T có trách nhiệm thanh toán cho bà Vũ Thị Mỹ D 63.331.000 đồng (Sáu mươi ba triệu, ba trăm ba mươi một nghìn đồng), tiền chi phí cho việc bảo quản di sản thừa kế.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

9. Bà Vũ Thị Mỹ D có trách nhiệm giao lại Giấy CNQSDĐ số BD 529824 do UBND huyện C cấp ngày 23/03/2012 mang tên bà Phạm Thị T5 cho ông Phạm Đức T, để ông T thực hiện quyền làm thủ tục đăng ký xác lập quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản riêng với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai.

10. Bác một phần yêu cầu độc của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Mỹ D về việc, yêu cầu được thanh toán chi phí cho việc bảo quản di sản thừa kế, là trị giá di sản của bà Phạm Thị T5 chưa chia là 992.192.000 đồng.

11. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Mỹ D về việc, yêu cầu được thanh toán khoản tiền chi phí làm mai táng cho bà Phạm Thị T5.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Mỹ D, đại diện ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thanh N: kháng yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng cho bà D được hưởng 1/6 giá trị phần đất thuộc thửa đất số 2242, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.647m², tọa lạc tại Xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk), được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 529824 ngày 23/3/2012, đứng tên bà Phạm Thị T5; Nguyên đơn: Bà Phạm Thị X, Phạm Thị Thanh B Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận trích một phần công sức bảo quản di sản của bà D vào khối di sản là 01% = 63.331.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quan điểm của Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi nghiên cứu các hồ sơ có trong vụ án và ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm đối với phần nội dung vụ án như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định 03 cây sầu riêng trồng năm 2022, 03 cây mít trồng năm 2021 theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/11/2024 là di sản để lại của bà Phạm Thị T5 là không chính xác, tuy nhiên về giá trị theo biên bản định giá ngày 07/11/2024: 03 cây sầu riêng trồng năm 2022, 03 cây mít trồng năm 2021 có giá trị là 1.652.000 đồng + 1.830.000 đồng = 3.482.000 đồng, giá trị này là rất thấp so với phần giá trị phần di sản thừa kế do bà T5 để lại, ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm quyết định trích 01% cho công sức bảo quản của bà D tương đương số tiền là 63.31.000 đồng nên không có cơ sở hủy Bản án sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và bà Vũ Thị Mỹ D về việc cho bà Vũ Thị Mỹ D được hưởng 1/6 kỷ phần di sản do bà T5 để lại và yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị X và Phạm Thị Thanh B về việc không trích 01% công sức bản quản cho bà D: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk nhận thấy không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo người kháng cáo, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người kháng cáo nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định; bà D đã đóng án phí theo quy định của pháp luật, ông T2, bà B, bà X được miễn đóng tạm ứng án phí. Nên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thúy V1, ông Mai Lãnh T4, ông Phạm Văn T3 vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

Bà Phạm Thị T5 là người để lại di sản. Cha mẹ đẻ bà Phạm Thị T5 là ông Phạm Ngọc T6 (sinh năm 1915, chết năm 2014) và bà Lưu Thị M (sinh năm 1917, chết năm 1997). Ông T6, bà M có 08 người con, gồm: ông Phạm Quang Đ (sinh năm 1942, chết năm 1974); bà Phạm Thị T5 (sinh năm 1944, chết năm 2020); ông Phạm Đức T2 (sinh năm 1945); ông Phạm Đức T (sinh năm 1946); bà Phạm Thị X (sinh năm 1948); bà Phạm Thị Thanh B (sinh năm 1958); ông Phạm Văn T3 (sinh năm 1960); ông Phạm Văn T7 (sinh năm 1962, đã chết ngày 18/10/2015).

Di sản của bà T5 để lại gồm: Thửa đất số 2242, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.647m² tại xã E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở (viết tắt là Giấy CNQSDĐ) số BĐ 529824 do UBND huyện C cấp ngày 23/03/2012 mang tên bà

Phạm Thị T5 (gọi tắt là thửa số 2242) và toàn bộ tài sản trên đất gồm 01 tường rào xây gạch Tuynel, cao 02m, dài 36,5m; 268 cây Cà phê; 148 cây Tiêu (trong đó 13 cây leo trụ cây Muồng, 135 cây leo trụ cây G), 40 cây M2; 60 cây Gòn, 03 cây Mít; 05 cây Bơ; 08 cây Sầu riêng; 13 cây Muồng có cây T9 leo; 135 cây Gòn có cây Tiêu leo.

Về hàng thừa kế: Bà Phạm Thị T5 (sinh năm 1944, chết ngày 24/10/2020 theo trích lục khai tử số: 250/TLKT-BS do UBND xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 16/5/2023), là người chưa đăng ký kết hôn, không có chồng và không có con (theo đơn xin xác nhận độc thân được Ủy ban nhân dân xã H xác nhận ngày 10 tháng 6 năm 2023). Khi bà T5 chết không để lại di chúc, theo quy định thì hàng thừa kế thứ nhất là (cha đẻ, mẹ đẻ) đã chết hết. Như vậy, hàng thừa kế di sản của bà T5 để lại gồm: ông Phạm Đức T, bà Phạm Thị X, ông Phạm Đức T2, bà Phạm Thị Thanh B và ông Phạm Văn T3.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất ý kiến về nhân thân và di sản bà T5 để lại (sau khi xét xử vụ án các đương sự chỉ kháng cáo về phần giá trị phần công sức đóng góp bảo quản di sản được hưởng của bà Vũ Thị Mỹ D, không kháng cáo gì về phần di sản do bà T5 để lại). Nên đây là tình tiết đúng, có thật, và không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Dân sự.

[2.1] Xét kháng cáo sửa Bản án sơ thẩm của bà D, đại diện ủy quyền của bị đơn bà N về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm phân chia cho bà D 1/6 kỷ phần di sản bà D để lại. kháng cáo sửa Bản án sơ thẩm của bà X, bà B về yêu cầu cấp phúc thẩm không phân chi di sản thừa kế của bà T5 cho bà D.

[2.1.1] Về nguồn gốc di sản do bà T5 để lại:

Thửa đất số 2242, diện tích 1.647 m² của bà T5, được tách ra từ thửa đất 2135 (gọi tắt là thửa 2135), diện tích 7.090m² của ông Phạm Ngọc T6 (cha đẻ bà T5) khi còn sống, ông T6 đã làm thủ tục tách thửa đất 2135 và tặng cho bà T5.

Tài sản trên đất: Trước khi làm hợp đồng tặng cho (ngày 29/12/2011) (Bút lục số 92, 93), thì ông T đã xây tường rào bao quanh toàn bộ diện tích của thửa đất 2135, trên toàn bộ diện tích thửa đất ông T6 trồng cà phê từ năm 1990.

Các đương sự đều thừa nhận và đồng ý hai tình tiết pháp lý nêu trên nên đây là 02 tình tiết có thật và không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

[2.1.2] Về diễn biến, quá trình sử dụng đất đối với thửa đất số 2242, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.647m² tại xã E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở (viết tắt là Giấy CNQSDĐ) số BD 529824 do UBND huyện C cấp ngày 23/03/2012 mang tên bà Phạm Thị T5.

Theo nguồn gốc sử dụng đất thì thửa số 2242 được tách ra từ thửa đất số 2135; trên đất được trồng cây cà phê từ năm 1990.

Trong quá trình giải quyết vụ án và trong đơn kháng cáo, ông Phạm Đức T2 và bà Vũ Thị Mỹ D trình bày thì bà D là người trực tiếp quản lý, canh tác và sử dụng

đất trên từ năm 1990 cho đến nay, quá trình quản lý và sử dụng đất đã có nhiều công sức trong việc bảo quản, gìn giữ, tôn tạo làm tăng giá trị đất nêu trên. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Năm 2007, ông Phạm Ngọc T6 làm văn bản phân chia tài sản (Bút lục số 73). Tới năm 2011, cụ T6 mới làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho bà T5 (Bút lục số 93). Đến năm 2012, bà Phạm Thị T5 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 529824 (Bút lục số 94).

Tại Bút lục số 175, ông Mai Lãnh T4 xác nhận mượn đất bà D từ năm 2014 đến năm 2024.

Như vậy, ý kiến trình bày của bà Vũ Thị Mỹ D về việc bà Tâm G1 đất cho bà D quản lý, sử dụng, canh tác từ năm 1990 đến nay là không có căn cứ. Bởi lẽ, thời điểm năm 1990, đất thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Ngọc T6; đến năm 2011, ông T6 mới làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản trên đất; năm 2012, thì bà T5 mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.1.2.1] Tại biên bản làm việc ngày 01/8/2025 của nguyên đơn bà Phạm Thị X trình bày: “Ông Mai Lãnh T4 là con trai bà X, vào năm 2014 do không có đất để canh tác nên bà T5 đã cho ông T4 mượn đất để canh tác.”.

[2.1.2.2] Tại đơn xin xác nhận việc mượn và trả đất, ông M1 Lãnh Tụ trình bày: Vào năm 2014, vì tôi không có đất làm nên vợ chồng ông T7 đã cho tôi mượn đất 10 năm (2014-2024) để trồng cây cà phê, còn tiêu trên đất vẫn do gia đình ông T7 canh tác.

[2.1.2.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện ủy quyền của bị đơn trình bày, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 529824 đứng tên bà Phạm Thị T10 hiện nay do bà Vũ Thị Mỹ D đang giữ (bút lục số 203).

Như vậy, từ các mục [2.1.2.1], [2.1.2.2] và [2.1.2.3] có cơ sở xác định vào năm 2014 đến năm 2020, bà Vũ Thị Mỹ D hỗ trợ bà T10 quản lý thửa đất 2242; từ năm 2020 sau khi bà T10 mất thì bà D là người trực tiếp quản lý, canh tác trên đất.

[2.1.3] Về công sức bảo quản và tôn tạo, nhận thấy:

Căn cứ biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/11/2024 (Bút lục số 107), tài sản trên đất gồm: 01 tường rào xây gạch Tuynel, cao 02m, dài 36,5m xây dựng năm 2007; 268 cây Cà phê trồng năm 2014; 148 cây Tiêu (trong đó 13 cây leo trụ cây Muồng, 135 cây leo trụ cây Gòn) trồng năm 2015, 40 cây Muồng; 60 cây Gòn, 03 cây Mít trồng năm 2021; 05 cây Bơ; 08 cây Sầu riêng (gồm 05 cây trồng năm 2015 và 03 cây trồng năm 2022); 13 cây Muồng có cây T9 leo; 135 cây Gòn có cây Tiêu leo.

Như vậy, toàn bộ cây trồng cơ bản trồng trước năm 2020, sau năm 2020 thì chỉ có thêm 03 cây mít trồng năm 2021, 03 cây sầu riêng trồng năm 2022. Nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà D chỉ có công sức bảo quản di sản là chính xác, đúng quy định pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định chia di sản của bà T10 cần trích một phần công sức đóng góp của bà D vào khối di sản là 01% = 63.331.000 đồng, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy:

Như đã phân tích tại mục [2.1.2] bà Vũ Thị Mỹ D có công sức cùng bà T10 quản lý thửa đất số 2242 từ năm 2014 đến năm 2020, và trực tiếp quản lý, canh tác, sử dụng đất từ năm 2020 đến nay. Vì vậy, bà D có công sức bảo quản, đối với di sản thừa kế do bà T10 để lại là đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà D cũng đã được hưởng phần hoa lợi thu được trên thửa đất 2242 năm từ 2014 đến nay nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định trích một phần di sản cho công sức đóng góp, gìn giữ di sản của bà D để lại là 01% tương đương 63.331.000 đồng (Đã làm tròn) là chính xác, đúng quy định pháp luật.

[2.1.4] Xét ý kiến tại phiên tòa phúc thẩm của đại diện ủy quyền của bị đơn và đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, nhận thấy:

[2.1.4.1] Đối với ý kiến của bà Nguyễn Thanh N cho rằng số cây tiêu trồng năm 2015 là tài sản do bà D tạo lập, Tòa án cấp sơ thẩm xác định là di sản do bà T10 để lại là không chính xác, đồng thời đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để xác định ai là trồng số cây tiêu này.

Nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – tỉnh Đắk Lắk) đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản trên phần đất thuộc thửa đất số 2242, các đương sự thống nhất và không có ý kiến gì đối với phần tài sản trên đất.

Sau khi xét xử sơ thẩm vụ án, các đương sự đã kháng cáo Bản án sơ thẩm nhưng chỉ kháng cáo về phần công sức đóng góp bảo quản di sản được hưởng của bà Vũ Thị Mỹ D, không kháng cáo gì về phần di sản do bà T10 để lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thanh N cho rằng các cây tiêu trồng 2015 là do bà D tạo lập nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để chứng minh. Đồng thời, tại phần tranh luận của phiên tòa phúc thẩm, bà N trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng cho bà D được hưởng 1/6 giá trị phần di sản do bà T10 để lại.

Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận ý kiến của bà Nguyễn Thanh N về việc xác định số cây tiêu trồng năm 2015 trên thửa đất số 2242 là tài sản do bà D tạo lập, và không chấp nhận yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm của bà N.

[2.1.4.2] Xét ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định 03 cây sầu riêng trồng năm 2022, 03 cây mít trồng năm 2021 theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/11/2024 là di sản để lại của bà Phạm Thị T5 là không chính xác, làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích của người bảo quản di sản sau khi bà T5 mất.

Tuy nhiên, theo biên bản định giá ngày 07/11/2024 thì tổng giá trị 03 cây sầu riêng trồng năm 2022 và 03 cây mít trồng năm 2021 là 3.482.000 đồng. Giá trị này

là rất nhỏ so với phần giá trị phân di sản thừa kế do bà T5 để lại; ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm cũng quyết định trích 01% cho công sức bảo quản của bà D tương đương số tiền là 63.31.000 đồng bao gồm giá trị của các cây trồng trên.

Nên ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc đề nghị không hủy Bản án sơ thẩm là có căn cứ, cần chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk là có căn cứ chấp nhận; yêu cầu kháng cáo của bà D, đại diện ủy quyền của bị đơn bà N, bà X và bà B không có cơ sở chấp nhận. Cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – tỉnh Đắk Lắk.

[2.2] Về phân chia di sản thừa kế theo pháp luật.

[2.2.1] Di sản thừa kế do bà T5 để lại gồm:

Thửa đất số 2242, diện tích 1.647m² (diện tích đo đạc thực tế là 1.650,5m²), tài sản gắn liền với đất, gồm: 01 tường rào xây gạch Tuynel, cao 02m, dài 36,5m; 268 cây Cà phê; 148 cây Tiêu (trong đó 13 cây leo trụ cây Muồng, 135 cây leo trụ cây G), 40 cây M2; 60 cây Gòn, 03 cây Mít; 05 cây Bơ; 08 cây Sầu riêng; 13 cây Muồng có cây T9 leo; 135 cây Gòn có cây Tiêu leo.

Các đương sự thống nhất trị giá di sản mà Tòa án cấp sơ thẩm đã định giá; Tổng giá trị di sản là 6.333.139.000 đồng (Sáu tỷ ba trăm ba mươi ba triệu một trăm ba mươi chín ngàn đồng)

Giá trị di sản thừa kế sau khi trừ công sức đóng góp, gìn giữ cho bà T5 là:

6.333.139.000 đồng - 63.331.000 đồng = 6.269.808.000 đồng (Sáu tỷ hai trăm sáu mươi chín triệu tám trăm linh tám ngàn đồng).

[2.2.2] Về hàng thừa kế

Hàng thừa kế thứ hai của bà T5 có 05 người, gồm: ông Phạm Đức T2, ông Phạm Đức T, bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị Thanh B, ông Phạm Văn T3. Căn cứ khoản 2 Điều 651, những người trong hàng thừa kế nêu trên sẽ được hưởng phần kỷ phần ngang nhau.

Như vậy, mỗi kỷ phần thừa kế để lại là 6.269.808.000 đồng : 5 = 1.253.961.000 đồng (Một tỷ hai trăm năm mươi ba triệu chín trăm sáu mươi một ngàn đồng).

[2.2.3] Ghi nhận sự tự nguyện của bà X, bà B, ông T3 tặng lại toàn bộ phần tài sản được thừa kế cho ông T, như vậy ông T được hưởng thừa kế thêm kỷ phần của bà X, bà B, ông T3, tổng cộng 04 kỷ phần là 1.253.961.000 đồng x 4 = 5.015.844.000 đồng (Năm tỷ mười lăm triệu tám trăm bốn mươi bốn ngàn đồng).

[2.2.4] Di sản chia là 01 thửa đất có diện tích 1.647m² (diện tích đo đạc thực tế là 1.650,5m²), mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm, nên việc tách thửa phải bảo đảm diện tích tối thiểu với loại đất đang sử dụng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 Quyết định số 41/2024/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, đối với các xã, diện tích tách thửa đối với nhóm đất nông nghiệp, thì thửa đất

mới được hình thành sau khi tách phải có diện tích tối thiểu 1.000 m². Do vậy, việc chia đất thành 5 kỷ phần, mỗi phần là 408,4m² là không bảo đảm các điều kiện, diện tích, kích thước tách thửa theo quy định, nên không thể tách thửa để chia theo quy định tại Điểm a, c khoản 2 Điều 220 Luật Đất đai năm 2024.

Do diện tích đất không bảo đảm các điều kiện tách thửa, mà ông T được hưởng thừa kế 4/5 kỷ phần diện tích đất, nên cần giao toàn bộ di sản của bà T5 cho ông T được quyền sở hữu, sử dụng, để đảm bảo cho điều kiện sử dụng đất. Ông T là người được hưởng lợi toàn bộ di sản thừa kế, nên có nghĩa vụ phải thanh toán toàn bộ tiền công sức, chi phí bảo quản di sản cho bà D và thanh toán cho ông T2 trị giá phần di sản thừa kế mà ông T2 được hưởng.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà Vũ Thị Mỹ D; của nguyên đơn: Bà Phạm Thị X và bà Phạm Thị Thanh B; của đại diện ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thanh N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số Bản án số 14/2025/DS-ST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Áp dụng pháp luật:

Căn cứ các Điều 92, 144, 147, 157, 158, 165, 166, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án.

Căn cứ vào các Điều 611, 616, 650, 651; khoản 1, 3 Điều 658 và Điều 660 Bộ luật Dân sự; Điểm c khoản 2 Điều 220 Luật đất đai năm 2024; Điều 6; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a, b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Đức T, bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị Thanh B về việc yêu cầu chia di sản thừa kế.

2. Xác định thửa đất số 2242, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.647m² (diện tích đo đạc thực tế là 1.650,5m²) tại xã E (nay thuộc xã E) theo Giấy CNQSDĐ số BĐ 529824 do UBND huyện C cấp ngày 23/03/2012 mang tên bà Phạm Thị T5. Tài sản gắn liền với đất, gồm: 01 tường rào xây gạch Tuynel, cao 02m, dài 36,5m; 268 cây Cà phê; 148 cây Tiêu (trong đó 13 cây leo trụ cây Muồng, 135 cây leo trụ cây G), 40 cây M2; 60 cây Gòn, 03 cây Mít; 05 cây Bơ; 08 cây Sầu riêng; 13 cây Muồng có cây T9 leo; 135 cây Gòn có cây Tiêu leo, có trị giá 6.333.139.380 đồng (Sáu tỷ ba

trăm ba mươi ba triệu một trăm ba mươi chín ngàn ba trăm tám mươi đồng) là di sản thừa kế của bà Phạm Thị T5 chưa chia, được phân chia thừa kế theo pháp luật.

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Phạm Thị T5 không còn ai, nên hàng thừa kế thứ hai của bà T5 được hưởng di sản gồm có 05 người là: Ông Phạm Đức T2, ông Phạm Đức T, bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị Thanh B, ông Phạm Văn T3.

4. Trích trừ đi tiền chi phí, công sức cho việc bảo quản di sản của bà Vũ Thị Mỹ D là 63.331.000 đồng (Sáu mươi ba triệu ba trăm ba mươi một ngàn đồng).

5. Xác định di sản của bà T5 còn lại để chia là 6.269.808.000 đồng (Sáu tỷ hai trăm sáu mươi chín triệu tám trăm linh tám ngàn đồng), chia cho 05 kỹ phần, mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng là 1.253.961.000 đồng (Một tỷ hai trăm năm mươi ba triệu chín trăm sáu mươi một ngàn đồng), tương đương với 408,4m² và tài sản trên đất.

6. Ghi nhận sự tự nguyện tặng cho toàn bộ kỹ phần được hưởng từ di sản thừa kế của bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị Thanh B, ông Phạm Văn T3 cho ông T sở hữu, sử dụng, như vậy ông T được hưởng thừa kế thêm kỹ phần của bà X, bà B, ông T3, tổng cộng di sản ông T được hưởng 4/5 kỹ phần, trị giá là 5.015.844.000 đồng (Năm tỷ, không trăm mười lăm triệu, tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

7. Cụ thể chia như sau :

7.1. Phần ông Phạm Đức T được quyền sở hữu, sử dụng thửa đất số 2242, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.647m² (diện tích đo đạc thực tế là 1.650,5m²) tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay thuộc xã E, tỉnh Đắk Lắk) theo Giấy CNQSDĐ số BD 529824 do UBND huyện C cấp ngày 23/03/2012 cho bà Phạm Thị T5.

Thửa đất có vị trí, ranh giới như sau:

Đông giáp thửa đất 2243 dài 89,95m;

Tây giáp thửa đất 2241 dài 90,18m;

Nam giáp chỉ giới quy hoạch giao thông Quốc lộ B dài 20,45m;

Bắc giáp thửa đất 2220 dài 16,10m;

Tài sản gắn liền với đất, gồm: 01 tường rào xây gạch Tuynel, cao 02m, dài 36,5m; 268 cây Cà phê; 148 cây Tiêu (trong đó 13 cây leo trụ cây Muồng, 135 cây leo trụ cây G), 40 cây M2; 60 cây Gòn, 03 cây Mít; 05 cây Bơ; 08 cây Sầu riêng; 13 cây Muồng có cây T9 leo; 135 cây Gòn có cây Tiêu leo.

(Có sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo bản án).

7.2. Phần ông Phạm Đức T2 được nhận số tiền 1.253.961.000 đồng (Một tỷ, hai trăm năm mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi một nghìn đồng) tương đương với 408,4m² và tài sản trên đất là kỹ phần thừa kế ông T2 được hưởng, do ông Phạm Đức T có trách nhiệm thanh toán.

8. Chấp nhận một phần yêu cầu độc của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Mỹ D.

Ông Phạm Đức T có trách nhiệm thanh toán cho bà Vũ Thị Mỹ D 63.331.000 đồng (Sáu mươi ba triệu, ba trăm ba mươi một nghìn đồng), tiền chi phí cho việc bảo quản di sản thừa kế.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

9. Bà Vũ Thị Mỹ D có trách nhiệm giao lại Giấy CNQSDĐ số BD 529824 do UBND huyện C cấp ngày 23/03/2012 mang tên bà Phạm Thị T5 cho ông Phạm Đức T, để ông T thực hiện quyền làm thủ tục đăng ký xác lập quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản riêng với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai.

10. Bác một phần yêu cầu độc của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Mỹ D về việc, yêu cầu được thanh toán chi phí cho việc bảo quản di sản thừa kế, là trị giá di sản của bà Phạm Thị T5 chưa chia là 992.192.000 đồng (Chín trăm chín mươi hai triệu một trăm chín mươi hai ngàn đồng).

11. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Mỹ D về việc, yêu cầu được thanh toán khoản tiền chi phí làm mai táng cho bà Phạm Thị T5.

[4]. Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Đức T phải chịu tiền chi phí tố tụng là 5.505.600 đồng (Năm triệu, năm trăm lẻ năm nghìn, sáu trăm đồng), được khấu trừ vào số tiền mà ông T đã nộp là 6.900.000 đồng (Sáu triệu chín trăm ngàn đồng). Hoàn trả lại cho ông T tiền chi phí tố tụng còn thừa là 18.000 đồng, ông T đã được nhận lại xong theo Biên bản trả tiền ngày 09/9/2025 của Tòa án.

Ông Phạm Đức T2 phải hoàn trả lại cho ông T tiền chi phí tố tụng là 1.376.400 đồng (Một triệu, ba trăm bảy mươi sáu nghìn, bốn trăm đồng).

[5] Về án phí:

[5.1] Về án phí dân sự sơ thẩm

- Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phạm Đức T.

- Ông Phạm Đức T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với giá trị phần tài sản ông T2 được chia là 49.618.000 đồng (Bốn mươi chín triệu, sáu trăm mười tám nghìn đồng) tiền án phí.

- Bà Vũ Thị Mỹ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu được thanh toán chi phí cho việc bảo quản di sản thừa kế không được chấp nhận là 41.765.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp là 20.000.000 đồng tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Đắk Lắk, theo biên lai thu tiền số 0004557 ngày 25/7/2025, bà D còn phải nộp tiếp 21.765.000 đồng (Hai mươi một triệu, bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí.

[5.2] Về án phí phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Phạm Thị X và bà Phạm Thị Thanh B được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bị đơn, ông Phạm Đức T2 được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0000924 ngày 23/9/2025 của Cơ quan Thi hành án Dân sự tỉnh Đ.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[7] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc, kiểm tra II-TANDTC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 5 - Đắk Lắk (2);
- Phòng THADS khu vực 5 - Đắk Lắk
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Nguyên Tùng